

Số: 05 /BC - BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Báo cáo thẩm định về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, của BGD như sau:

I. VỀ QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi hãng kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC), theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

1. Một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% TH so KH 2022
I	Tổng doanh thu	380.00	484.12	260.00	127%
1	DT hoạt động dịch vụ chứng khoán	230.00	236.00	170.00	103%
1.1	Môi giới chứng khoán	75.00	69.31	60.00	92%
1.2	Lưu ký chứng khoán	8.00	7.55	7.00	94%
1.3	Dịch vụ tài chính	140.00	147.27	100.00	105%
1.4	Doanh thu khác	7.00	11.87	3.00	170%
2	Hoạt động đầu tư góp vốn	100.00	180.15	50.00	180%
3	Hoạt động tư vấn	30.00	33.98	17.00	113%
4	Hoạt động phân tích, chỉ số	4.00	4.00	3.00	100%
5	Doanh thu khác	16.00	29.99	20.00	187%
II	Tổng chi phí	357.50	457.55	240.00	128%
III	Lợi nhuận sau thuế	22.50	26.57	20.00	118%

Kết quả doanh thu năm 2022 đạt 484,12 tỷ, hoàn thành 127% kế hoạch năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 26,57 tỷ đồng, bằng 118% so với kế hoạch. Chỉ tiêu An toàn tài

chính tại ngày 31/12/2022 của Công ty theo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán là 221,46%, trên mức yêu cầu (tối thiểu 180%) theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Về trạng thái tài sản, nguồn vốn tại 31/12/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
100		TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,976,671	2,093,355
110	I	Tài sản tài chính		1,971,517	2,091,867
111	1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	281,269	52,556
112	2	Các khoản tài chính ghi nhận thông qua Lãi/Lỗ	5	194,485	305,930
113	3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	627,958	432,400
114	4	Các khoản cho vay	5	751,230	1,159,047
115	5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	146,594	145,697
116	6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính & tài sản thế chấp	6	(61,996)	(51,085)
117	7	Các khoản phải thu	7	27,343	21,158
119	9	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	8,539	10,444
118	8	Trả trước cho người bán	9	1,192	11,120
122	10	Các khoản phải thu khác	7	11,160	21,143
129	11	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(16,257)	(16,543)
130	II	Tài sản ngắn hạn khác		5,154	1,488
131	1	Tạm ứng		724	270
133	2	Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4322	408
136	3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	108	0
137	4	Tài sản ngắn hạn khác		209	1019
139	5	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-209	-209
200	B	TÀI SẢN DÀI HẠN		38,655	89,717
	I	Tài sản tài chính dài hạn		-	50,012
	1.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	50,012
220	II	Tài sản cố định		15,087	17,658
221	1	Tài sản cố định hữu hình	14	6,310	8,433
222		Nguyên giá		27,863	27,200
223a		Giá trị hao mòn lũy kế		(21,553)	(18,767)
227	2	Tài sản cố định vô hình	15	8,777	9,225
228		Nguyên giá		32,439	29,021
229		Giá trị hao mòn lũy kế		(23,662)	(19,796)
240	II	Chi phí XDCB dở dang		-	-
250	V	Tài sản dài hạn khác		23,568	22,047
251	1	Cầm cố thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	1,917	1,934
252	2	Chi phí trả trước dài hạn	10	3,553	4,388
254	3	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	18,098	15,725
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,015,326	2,183,072

Theo Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 của công ty cho biết tuy chỉ tiêu tổng tài sản không tăng, những chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền tăng từ 52,55 tỷ đồng lên 281,3 tỷ đồng bằng 435%, qua đó thể hiện Công ty tập trung vốn bằng tiền vào hoạt động kinh doanh (tính thanh khoản cao).

Về nguồn vốn tại 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
C	NỢ PHẢI TRẢ		1,356,280	1,564,103
I	Nợ phải trả ngắn hạn		1,356,180	1,564,003
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	831,780	332,050
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	18	214,200	879,300
3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	1,843	2,599
4	Phải trả người bán ngắn hạn	20	1,531	4,129
5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6,290	2,137
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	5,899	16,577
7	Phải trả người lao động		4,939	7,307
8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1,179	1,241
9	Chi phí phải trả ngắn hạn	22	16,700	19,172
10	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23		-
11	Các khoản phải trả, phải nộp khác	24	271,616	299,491
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		203	-
II	Nợ phải trả dài hạn		100	100
1	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23	90	90
2	Quỹ bảo vệ nhà đầu tư		10	10
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU		659,046	618,969
I	Vốn chủ sở hữu	25	659,046	618,969
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624,576	624,576
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		598,413	598,413
1.3	Thặng dư vốn cổ phần		26,163	26,163
2	Chênh lệch đánh giá theo tài sản theo giá trị hợp lý			(15,000)
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4,732	3,375
4	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4,722	3,365
5	Lợi nhuận chưa phân phối		25,016	2,653
5.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		30,824	2,620
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(5,808)	33
	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,015,326	2,183,072

Tổng nguồn tuy có giảm so với năm 2021, nhưng cơ cấu phần nguồn vốn tập chung cho hoạt động kinh doanh tăng lên (nợ phải trả). Trong đó so sánh hiệu quả sử dụng vốn thì năm 2022 tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản hoặc trên nợ phải trả đều cao hơn so với năm 2021 cụ thể: đối với lợi nhuận trên tổng tài sản năm 2022 là 0,00013 đồng, năm 2021 là: 0,00012, còn lợi nhuận trên nợ phải trả năm 2022 là 0,00019 đồng so với 0,00017 đồng của năm 2021.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GD

1. Về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, của Ban Giám đốc:

1.1 Đối với Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo quyết liệt; trực tiếp tham gia hỗ trợ các phương án kinh doanh; thống nhất ban hành 65 Nghị quyết/Quyết định với các định hướng, chính sách quan trọng để nâng cao năng lực quản trị, năng lực kinh doanh của Công ty, đó là tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển PSI đến 2025 hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư, cụ thể: đưa Tổng tài sản 2022 đạt: 2.015 tỷ đồng. Phát hành trái phiếu thành công:

300 tỷ đồng bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Thu hồi được trên 10.3 tỷ đồng nợ xấu tồn đọng. Hoàn thành thoái vốn 100% cổ phần tại 5 doanh nghiệp trong danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (danh mục OTC): CTCP Điều Phú Yên, CTCP Khoáng Sản Mai Linh; CTCP Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí; CTCP Thi công cơ giới và lắp máy Dầu Khí; CTCP Khí công nghiệp Việt Nam (Thanh Gas).

Trong năm 2022, Công ty đã triển khai thành công phương án bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bằng việc phát hành trái phiếu PSI với khối lượng huy động thành công 300 tỷ đồng.

Hoạt động công nghệ: vận hành ổn định, hiệu quả hệ thống core chứng khoán mới, website mới. Thực hiện triển khai nghiên cứu các dự án công nghệ mới như: hệ thống kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp trực tuyến, sản phẩm Robot trading, mở tài khoản định danh trực tuyến EKYC.

Tăng cường kỷ cương kỷ luật hành chính, văn hóa làm việc nơi công sở. Chỉ đạo xây dựng, trình HĐQT thông qua các cơ chế, chính sách về nhân sự nhằm nâng cao thu nhập của CBNV đồng thời tạo tinh thần kinh doanh năng động, nhiệt huyết; Môi trường làm việc thân thiện, công bằng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo sự gắn kết cùng thực hiện mục tiêu chung.

Định hướng công tác nhân sự các cấp, ổn định tổ chức; chú trọng công tác tuyển dụng nhân sự có chất lượng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Hoàn thiện và bổ sung nhân sự các cấp, đặc biệt nhân sự cấp quản lý tại các vị trí Ban Giám Đốc Công Ty, Lãnh đạo Khối Dịch vụ chứng khoán, Lãnh đạo Khối Vận hành. Đẩy mạnh công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên công ty theo đúng chỉ tiêu kế hoạch trong năm. Hợp tác với các Trường Đại Học để tuyển dụng sinh viên ưu tú, thực tập sinh.

Ngoài ra HĐQT còn định hướng công tác truyền thông, thương hiệu để nâng cao vị thế, hình ảnh của PSI trên thị trường.

1.2 Đối với Ban Giám đốc

Trong bối cảnh tình hình kinh tế toàn cầu cũng như thị trường chứng khoán trên thế giới cũng trải qua nhiều biến động. Tuy nhiên Ban Giám đốc công ty đã có nhiều cố gắng và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trong năm 2022, cụ thể:

- Tổng Doanh thu năm 2022 đạt 484.12 tỷ đồng hoàn thành 127% kế hoạch 2022.
- Chi phí năm 2022 là 457.55 tỷ đồng, đạt 128% kế hoạch năm 2022. Chi phí tăng chủ yếu đến từ chi phí môi giới và chi phí lãi vay.
- Lợi nhuận năm 2022: Lợi nhuận sau thuế, sau trích lập của công ty đạt 26.57 tỷ đồng hoàn thành 118% kế hoạch năm 2022.
- Quy mô tổng tài sản năm 2022 đạt 2.015 tỷ đồng

- Huy động bình quân năm 2022 đạt 996.7 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm 2022. Kết quả này góp phần tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, đặc biệt giúp đảm bảo thanh khoản của Công ty trong bối cảnh thị trường tài chính cuối năm có nhiều biến động tiêu cực. Trong đó, Quý II/2022, Công ty đã phát hành thành công 100% trái phiếu đợt 1, 2 năm 2022 với tổng giá trị 300 tỷ đồng.
- Tỷ lệ an toàn tài chính đảm đạt trên 200% - (213,46%), (cao hơn tỷ lệ quy định tối thiểu 180% của UBCKNN).

1.3 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc.

Trong năm 2022, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc (BGĐ), Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại PSI để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

HĐQT, Ban GD và các đơn vị đã thực hiện việc cung cấp đầy đủ thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra, giám sát.

Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động kiểm soát của HĐQT, BGĐ và các đơn vị liên quan trong công ty, không có một sự cản trở nào trong hoạt động của BKS. Về cơ bản thông tin tài liệu cung cấp đã đáp ứng kịp thời hoạt động giám sát của BKS.

2. Những điểm chưa đạt được

Trong năm 2022, bên cạnh những kết quả đạt được rất đáng khích lệ, PSI vẫn còn một số hạn chế cần phấn đấu trong thời gian tới như sau:

- Chất lượng dịch vụ cần cải thiện, nâng cấp.
- Chưa phát triển được thêm điểm giao dịch tại Chi nhánh Hồ Chí Minh.
- Trong hoạt động Tư vấn chưa thật sự chủ động trong việc cấu trúc sản phẩm cho khách hàng
- Một số đơn vị tinh thần kinh doanh còn yếu, chưa ý thức chủ động đề xuất các giải pháp để tháo gỡ tại đơn vị như: công tác phát triển khách hàng, thị phần, mạng lưới, phát triển sản phẩm, dịch vụ tại địa bàn được giao quản lý/phát triển.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để tăng cường công tác quản lý, giám sát của HĐQT, công tác điều hành của Ban GD, trong năm 2023, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Cần nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả, thường xuyên.

